

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 282/QB-CAT-CSGT

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
TỔ CHỨC KỲ SÁT HẠCH LÁI XE

GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BCA ngày 25/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Cảnh sát giao thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép tổ chức kỳ sát hạch lái xe ô tô cho tổng số **157** thí sinh (hạng B: 84 thí sinh, hạng C1: 18 thí sinh, hạng C: 27 thí sinh, hạng D2: 28 thí sinh) (có danh sách thí sinh dự thi kèm theo).

Kỳ sát hạch được tiến hành ngày **19/01/2026**, tại Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe Hồng Bàng (địa chỉ: thôn Khánh Thành, xã Suối Dầu, tỉnh Khánh Hòa).

Điều 2. Thành lập Hội đồng sát hạch gồm các thành viên có tên dưới đây:

1. Đồng chí Thượng tá Lê Thị Mỹ Lương - Phó Trưởng phòng, Phòng Cảnh sát giao thông, Chủ tịch Hội đồng.

2. Đồng chí Trung tá Biện Lê Quý, Chức vụ: Đội trưởng, Phòng Cảnh sát giao thông, Phó Chủ tịch Hội đồng.

3. Ông: Đặng Lê Nhật Nguyên, Chức vụ: Giám đốc Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe Hồng Bàng, Ủy viên Hội đồng.

4. Đồng chí Đại úy Nguyễn Quang Đạt - Chức vụ: Cán bộ, thư ký.

5. Các sát hạch viên:

- Đồng chí Trung tá Phan Ngọc Tuấn, sát hạch viên;
- Đồng chí Trung tá Trần Hữu Thọ, sát hạch viên;
- Đồng chí Trung tá Nguyễn Quang Phú, sát hạch viên;
- Đồng chí Thiếu tá Nguyễn Minh Nghĩa, sát hạch viên;
- Đồng chí Thiếu tá Trần Thanh Tân, sát hạch viên;

- Đồng chí Đại úy Nguyễn Phú Thịnh, sát hạch viên;
- Đồng chí Đại úy Đào Văn Thảo, sát hạch viên.

Trách nhiệm của từng thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công.

Điều 3. Hội đồng sát hạch có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế. Kết thúc kỳ sát hạch, lập biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, Hội đồng sát hạch tự giải thể.

Điều 4. Hội đồng sát hạch và thí sinh có tên tại Điều 1, 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, CSGT (SHLX).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đại tá Lê Quang Dũng

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 282/QĐ-CAT-CSGT ngày 13/01/2026 của Giám đốc Công an tỉnh Khánh Hòa)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	TRẦN NAM ANH	10/4/2006	042206008697	NV 02-29 KĐT Mới Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560248005358/A1	0000067	
2	LÊ THỊ NGỌC ANH	10/7/1994	042194013551	Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561144003446/A1	56003-20250614075847387	
3	ĐỖ THỊ CHÂU	20/10/1967	056167005392	Thôn Tây Nam, Xã Khánh Vĩnh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561054003347/A1	0001274	
4	NGUYỄN THỊ CHÂU	7/3/1988	051188001937	Thôn Xuân Đông, Xã Diên Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560249008086/A1	56003-20250829075521007	
5	HOÀNG THIỆN CHÍ	23/7/1999	056099000432	Bắc Vĩnh X. Cam Hải Tây, H. Cam Lâm, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000969	
6	DƯƠNG MINH CHIÊU	16/9/2000	056300002567	Thôn Lam Sơn, Xã Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561181004998/A1	56003-20250808144514333	
7	NGUYỄN CÔNG CHÍNH	10/10/1994	329401446234	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	Hợp Lệ	400122017638/A1	0000972	
8	VŨ THÀNH CHUNG	17/4/1991	019091000199	3 Hẻm 184 Khu C Dã Tượng, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	190145010793/A1	56003-20250809102512483	
9	NGÔ VIỆT CHƯƠNG	11/9/1991	082091013145	Ấp Mỹ Thạnh, Xã Bình Ninh, Tỉnh Đồng Tháp	Hợp Lệ		0001409	
10	LÊ NGUYỄN HỮU CƯỜNG	18/2/2003	056203011988	Phú Hải Phường Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000336	
11	NGUYỄN NGỌC CƯỜNG	18/11/1994	038094020417	Khu Phố 8 Đặc khu Phú Quốc, Tỉnh An Giang	Hợp Lệ	560160008789/A1	0000977	
12	MAI XUÂN CƯỜNG	25/2/1986	056086000665	Phú Hội 1 Xã Vạn Thắng, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560054004824/A1	0000392	
13	VÕ HẬU CƯỜNG	7/8/2000	054200011791	Thôn Cây Xoài, Xã Suối Dầu, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560249008086/A1	56003-20250826102840010	
14	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	13/11/2003	056203004441	Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560234007579/A1	0000467	
15	LÊ THỊ THU DIỆP	15/10/1985	044185005909	18 KTT Học Viện Hải Quân, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250906140036253	
16	HOÀNG XUÂN ĐỒNG	1/11/1993	056093012853	Tây Bắc 1 Xã Đại Lãnh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560226066915/A1	0000243	
17	NGUYỄN THÙY DUNG	10/6/1992	096192007140	76/1G Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh	Hợp Lệ	791232568524/A1	56003-20250830154933147	
18	TRƯƠNG THỊ THÙY DUNG	8/12/2002	062302001118	Hà Môn Đăk Hà Quảng Ngãi	Hợp Lệ	641233008667/A1	0001228	
19	LÊ TẤN DŨNG	27/10/1970	052070002898	Đồng Trăn 3 Xã Diên Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560028003011/A1	56003-20250713110432633	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
20	TRẦN KHUƠNG DUY	28/2/1994	056094006373	Cổ Mã Xã Đại Lãnh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560203007841/A1	0000026	
21	NGUYỄN THANH HẢI	24/11/1976	056076013283	Xã Tu Bông, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560091001163/A1	0000536	
22	NGUYỄN VĂN HIỀN	22/9/1980	056080005747	404/5/17 Lê Hồng Phong Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560041001942/B2	0000818	
23	PHAN ĐỨC HIỆP	20/5/1998	052098006914	Xã Phù Mỹ Nam, Tỉnh Gia Lai	Hợp Lệ	460182000959/A1	0001338	
24	MANG THỊ KIM HUỆ	23/4/1993	056193000392	Thôn Tân Quý, Xã Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250812161125253	
25	ĐÀO THẾ HÙNG	1/10/1995	056095011321	Đồng Bình Phường Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk	Hợp Lệ	540150003976/A1	0001341	
26	NGUYỄN VĂN HÙNG	27/9/2003	056203000564	Tổ Dân Số 08, Xã Vạn Ninh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560229008583/A1	0001342	
27	TRẦN BÁ HÙNG	19/6/2003	056203001773	08A Châu Văn Liêm, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	480221004506/A1	56003-20250814094406857	
28	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	23/4/1997	034197002016	TDP Bao Trinh, Xã Thái Thụy, Tỉnh Hưng Yên	Hợp Lệ		0001278	
29	LÊ VĂN HUY	27/6/1990	056090010928	32/9 Quang Trung P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ	560080006627/A1	0000616	
30	ĐỖ QUANG HUY	17/8/2000	056200006644	Xã Suối Hiệp, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560218003966/A1	0000541	
31	NGUYỄN NGỌC HUY	19/12/1996	056096010442	Tổ 19, Đất Lành, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560207004226/A1	56003-20250819083757923	
32	NGUYỄN XUÂN HUY	30/8/1998	056098010512	Thôn Quảng Hội 1, Xã Vạn Thắng, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250713154150973	
33	TRẦN QUANG HUY	11/11/1988	060088003789	Tổ 9 Thôn 2 Xã Nam Thành, Tỉnh Lâm Đồng	Hợp Lệ	790144861549/B2	0000819	
34	NGUYỄN HỒNG KHẢI	5/8/2001	056201005603	TDP Nghĩa Nam, Xã Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250809101626180	
35	TRẦN QUANG KHẢI	8/11/1994	056094006553	Phú Ân Nam 3 Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560124001027/B2	0000820	
36	NGUYỄN GIANG KHÁNH	19/9/1986	056086009701	Tổ 16 Xuân Ngọc Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560191380289/B2	0000821	
37	VÕ HỒNG KHOA	1/4/1972	056072001848	Phú Nông Nam X. Vĩnh Ngọc, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000971	
38	MAI TRẦN KIÊN	13/6/1998	056098000187	10/17 Pasteur Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560162006251/A1	0001346	
39	LƯU THỊ KIỀU	30/1/1984	049184007826	34/3 Đặng Dung Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	AC570775/A1	0000898	
40	TRIỆU THỊ LÀNH	1/2/1992	066192017840	Phước Tuy 1, Xã Diên Thọ, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561158004637/A1	56003-20250809162408390	
41	LÊ THỊ LUYẾN	20/10/1985	042185013656	19/01 Phước Tường, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250906135910880	
42	TRƯƠNG ĐÌNH MAI	3/11/1969	056069000663	T. Phò Thiện Xã Diên Thọ, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560029002301/A1	0000039	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
43	DƯƠNG HÙNG MẠNH	12/7/1990	056090009559	Thôn Thuận Mỹ Xã Tân Định, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560145001396/B2	0001266	
44	VŨ THỊ MÂY	28/3/1986	056186000947	Thôn Xuân Đông, Xã Diên Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250829075201593	
45	TRƯƠNG VẠN NGÂN	20/10/1979	056079017005	05 Trần Quý Cáp, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250830155145010	
46	PHẠM LÊ THU NGÂN	10/10/1997	056197003104	Xã Diên Thọ, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561168003231/A1	0000549	
47	PHAN TÂN NGHĨA	22/7/2000	056200005671	An Ninh Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250713105857770	
48	NGUYỄN MINH NGHĨA	21/3/2000	056200007829	Thôn Bắc Xã Nam Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560194383117/B2	0000823	
49	PHẠM HỒNG NGŨ	28/7/2000	056200004490	Tổ 4 Ngọc Hội, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560185010734/A1	56003-20250812095545103	
50	PHẠM VĂN NGUYỄN	18/5/2000	056200006108	Thôn 1, Xã Bắc Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560196006973/B2	0001267	
51	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	9/9/1988	042188012879	125/11 Hà Thanh, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250905140338343	
52	LÊ THỊ XUÂN NUÔNG	20/4/1986	056186005525	Xuân Ngọc Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000862	
53	NGUYỄN VĂN PHI	12/6/1990	056090001610	Cư Thạnh Xã Suối Hiệp, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0002134	
54	LÊ ĐỨC PHONG	14/9/2002	056202007323	Thôn Xuân Đông, Xã Diên Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	790215006451/A1	56003-20250828091855520	
55	VÕ THỊ KIM PHÚ	16/3/1994	056194002132	Tổ 12 Tây Nam Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000242	
56	LÊ THANH PHÚC	5/3/1987	056087012790	Thôn Vĩnh Phú, Xã Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560062004461/A1	56003-20250826110438833	
57	LÊ THÀNH PHÚC	10/10/1974	056074006616	Tổ 19 Vĩnh Hội, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560029003913/A1	56003-20250812162651653	
58	LÊ HỒNG PHƯỚC	10/1/2002	066202008163	X. Ea Tóh, H. Krông Năng, T. Đắk Lắk	Hợp Lệ	660208003614/A1	56003-20250714082048213	
59	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	27/9/1997	056097006661	Phò Thiện X. Diên Phước, H. Diên Khánh, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ	560163007206/A1	0000970	
60	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	29/12/1999	056099006533	Thôn Phú Hậu, Xã Suối Hiệp, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560205004279/A1	56003-20250807081338633	
61	MAI THANH QUANG	24/2/2003	056203006142	Thái Thông X. Vĩnh Thái, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000968	
62	TRẦN SANG	18/7/1965	052065013584	1/6 Đường Võ Thị Sáu, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560029003391/A1	56003-20250819083937387	
63	NGUYỄN THÀNH SINH	28/11/1998	054098000723	Thôn Suối Cối Xã Phú Mỹ, Tỉnh Đắk Lắk	Hợp Lệ	540178004016/A1	0001312	
64	MẠC HẢI SƠN	15/12/1986	038086002951	188 Khương Thượng Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội	Hợp Lệ	010100012825/B2	0000824	
65	CAO THÀNH SỸ	1/5/1996	056096004655	Xóm Núi,Tdp 2, Cầu Đá, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250825091059247	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
66	NGUYỄN ĐĂNG TÂM	1/1/1983	072083014467	Xã Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh		720085007605/A1	0000558	
67	NGUYỄN QUỐC TÂM	5/8/2002	056202000352	Phú Lộc Tây 3 Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001313	
68	ĐINH HỒ DUY TÂN	2/3/1990	056090014501	89/3 Vân Đồn, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250704181221480	
69	HUỖNH TRỌNG TẤN	10/1/1992	056092006076	Phước Tuy 2 Xã Diên Thọ, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560104006718/A1	0001314	
70	NGUYỄN NGỌC THẠCH	2/4/2003	056203000633	Trung Nam Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001315	
71	NGUYỄN THÁI	8/6/1959	052059007617	Tổ 11 Vĩnh Hội Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	A716582/A1	0001358	
72	TRẦN VĂN THÁI	1/1/1985	087085017204	Số Nhà 321, Ấp An Hòa, Xã Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp	Hợp Lệ	560226014501/A1	56003-20250826103003207	
73	NGUYỄN CHIẾN THẮNG	12/8/1995	042095007819	Thôn Phước Lộc, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560149003019/B2	0001268	
74	NGUYỄN MINH THẮNG	1/11/2001	056201001489	Thôn Hiền Lương Xã Vạn Ninh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001316	
75	NGUYỄN PHÚC THẮNG	11/9/2004	080204002313	Ấp 3 Xã Tân Long, Tỉnh Tây Ninh	Hợp Lệ	800230003789/A1	0001317	
76	NGUYỄN VĂN THẮNG	14/9/1984	024084003149	Thôn 5 Xã Diên Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560068006023/A	0001318	
77	NGUYỄN TRÍ THANH	5/9/2000	056200001303	Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560196006162/A1	0001391	
78	LÊ THỊ KIM THANH	15/10/1983	056183008983	8/1 Nguyễn Thiện Thuật Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000309	
79	ĐINH TIẾN THÀNH	12/8/1991	026091011654	Phước Đồng Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250926093718410	
80	LÊ VĂN THÀNH	30/5/1996	056096010313	Ô 27 Lô 1357 Hòn Rớ, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560150003686/A1	56003-20250825144418210	
81	DƯƠNG PHÚ THÀNH	6/11/2003	056203006358	Tổ 13 Đường Đệ Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560245003401/A1	0000951	
82	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	25/11/1990	056190012820	Thôn Thủy Xương, Xã Suối Hiệp, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001393	
83	NGUYỄN THỊ KIM THẢO	16/6/2002	056302006875	Thôn Tân Lập, Xã Cam An, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	581206004998/A1	56003-20250826104109340	
84	LÊ NGỌC THẢO	11/12/1995	056095011017	Xuân Phú 2 Xã Suối Hiệp, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560156005905/A1	0000952	
85	NGUYỄN QUỐC THỊNH	6/3/2004	056204008838	Thôn 4 Xã Diên Thọ, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560229008619/A1	0001319	
86	ĐẶNG NGUYỄN VĂN THÔNG	14/2/2000	056200000921	122/30 Hương Lộ Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560245001520/A1	0000953	
87	NGUYỄN TRỌNG THÔNG	24/8/1993	066093003612	Thôn 15, Xã Ea Knuéc, Tỉnh Đắk Lắk	Hợp Lệ	560207003066/B2	0001269	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
88	NGUYỄN TRỌNG THỐNG	26/7/1988	056088009642	61 Đường A6 VCN Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	AC079402/A1	56003-20250818090426767	
89	DƯƠNG THỊ THU	7/7/1998	026198003824	118/38 Trần Quý Cáp, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	261162007009/A1	56003-20250816155630897	
90	MAI ANH THU	8/10/1990	056190004038	236 Quốc Tuấn, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	AT766819/A1	56003-20250826161708603	
91	LÊ THỊ KIM THUYỀN	12/8/1976	056176003119	62 Vườn Dương Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561023000667/A1	0000314	
92	TRẦN NGỌC TIẾN	8/7/1994	056094004362	Cầm Sơn Diên Thọ Khánh Hòa	Hợp Lệ	560222008207/A1	0000727	
93	DƯƠNG MINH TIẾN	20/8/1998	056198003608	Thôn Lam Sơn, Xã Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561209005640/A1	56003-20250713105934103	
94	HỒ QUỐC TIẾN	9/11/1988	056088005229	Phan Bộ Châu 1 Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000954	
95	NGUYỄN CÔNG TIẾN	14/1/2003	056203003253	77/2 Phương Sài Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560216002550/A1	0000955	
96	NGUYỄN KHẮC TIẾN	14/9/1983	056083020747	Phú Hội 1, Xã Vạn Thắng, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560169003305/B2	0001270	
97	TRỊNH QUỐC TIẾNG	21/1/1999	056099010472	Cây Xoài Xã Cam Hiệp, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560233007604/A1	0000956	
98	TRƯƠNG TRUNG TÍN	19/1/1993	056093004983	Thôn Phú Bình 1, Xã Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560114005105/A1	56003-20250812162248290	
99	NGUYỄN TRUNG TÍN	2/4/2000	056200005591	Đồng Môn 1 Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000957	
100	THÂN ĐỨC TÍN	2/2/1994	056094012685	Tổ 7 Lư Cầm Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560127003109/A1	0000958	
101	CAO THÀNH TÌNH	23/6/1995	056095001055	90/9 Đồng Nai Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560144002196/A1	0000959	
102	NGUYỄN MINH TOÀN	4/10/1984	056084001444	Khánh Xuân, Xã Diên Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560044001116/A1	56003-20250829074833363	
103	LÊ VĂN TOÀN	13/4/2003	056203005295	Xuân Lạc Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000960	
104	LÊ NGUYỄN BẢO TOÀN	6/8/2000	056200000221	Thôn Đông Xã Khánh Vĩnh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560201005760/A1	0001320	
105	HUỲNH THỊ BÍCH TRÂM	13/8/1990	056190009948	91 Đường 2/4 Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	AG008839/A1	56003-20250826170120440	
106	NGÔ THỊ THU TRANG	20/8/1983	034183015957	5 KTT Viện Quân Y 87 Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000917	
107	NGUYỄN NGỌC TRÍ	16/3/1990	056090015727	Tổ 5 Đông Bắc Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	AM410934/A1	0001321	
108	NGUYỄN THỊ NGỌC TRINH	11/7/1991	056191013818	Cư Thạnh Xã Suối Hiệp, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001410	
109	PHAN THỊ PHƯƠNG TRINH	18/12/1987	056187006018	Thôn Khánh Xuân, Xã Diên Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561067002133/A1	56003-20250829080102823	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
110	VY NHẬT TRÌNH	5/8/2003	056203010959	Nghĩa Phú Phường Bắc Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560242003327/A1	0000961	
111	LÊ PHÚC TRÌNH	16/11/2003	054203001125	Nguyễn Cam Xã Sơn Hòa, Tỉnh Đắk Lắk	Hợp Lệ	560223014922/A1	0001322	
112	NGUYỄN HỮU TRỌNG	21/6/1995	056095006893	Thôn Tân An Xã Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560208010950/A1	0001323	
113	BÙI HỮU TRUNG	5/4/1987	056087006521	28/3 Phước Long Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560128005298/B2	0000825	
114	NGUYỄN ĐỨC TRƯỜNG	31/7/2006	056206000647	Thôn Xuân Đông, Xã Diên Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560245008163/A1	56003-20250829080245380	
115	NGUYỄN PHỤNG TRƯỜNG	8/11/1997	056097009370	Võ Tánh Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560169010802/A1	56003-20250712090034923	
116	NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG	27/1/1999	056099007856	Phước Lương Xã Diên Thọ, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560193383198/A1	0000962	
117	BÙI ANH TUẤN	28/8/2000	087200007260	28/01 Hải Đức Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560203014041/A1	0000963	
118	ĐOÀN CÔNG TUẤN	1/1/1995	056095000357	Tổ 4 Phước Toàn Tây, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560132000980/B2	0001271	
119	NGUYỄN CHÂU TUẤN	10/3/1993	056093009014	Thôn Tân Quang Xã Tân Định, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001324	
120	NGUYỄN HOÀNG ANH TUẤN	16/9/2004	056204006071	Thôn 1 Xã Diên Điền, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001325	
121	HUỲNH QUỐC TÙNG	7/11/2002	056202007836	Thôn Hội Xương, Xã Suối Hiệp, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560231005622/A1	56003-20250904102122420	
122	TRẦN ANH TÙNG	22/9/2002	056202001729	Số 17 Âu Cơ Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000964	
123	ĐỖ XUÂN TƯƠI	7/4/1997	056097009371	Xuân Tây Xã Vạn Hưng, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560158003323/A1	0000965	
124	ĐÀO THỊ TUYẾT	6/7/1981	056181006291	7/1 Hương Điền, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561116000859/A1	0001289	
125	VÕ THỊ THU VÂN	11/7/1979	056179007213	Thôn Lam Sơn, Xã Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250713110526543	
126	LÊ NGỌC TÀI VÂN	6/8/2003	056203004686	Nước Nhĩ Xã Khánh Vĩnh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000966	
127	PHẠM DUY VŨ	13/12/2000	056200006166	Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560194381047/A1	0000086	
128	NGUYỄN HOÀNG ANH VŨ	14/5/1991	056091006056	17 A Phạm Cột Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	056126004431/B2	0001272	
129	NGUYỄN CÔNG VŨ	16/10/1995	038095024470	Thôn Suối Môn Phường Ba Ngòi, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	790140006157/A1	0001326	
130	BÙI DUY VƯƠNG	12/7/1982	079082004213	20A Đường 475 Phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh	Hợp Lệ	L523140/A1	0001368	
131	LÊ VĂN VƯƠNG	17/7/1987	033087011593	C 501 Ct1a NOXH Kdtm, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250903134623953	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
132	TRẦN TẤN VƯƠNG	12/7/1990	056090005042	29/06 Trường Sa Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560106006774/B2	0000826	
133	NGUYỄN THỊ THANH XUÂN	8/1/1989	056189001907	Tân Khánh, Xã Suối Hiệp, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250826103834147	
134	PHẠM TRƯỜNG XUÂN	20/4/1992	056092007216	Thôn Hội Phước Xã Suối Hiệp, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	670181005374/A1	0001327	
135	TRẦN THANH XUÂN	26/12/1988	056088007401	Thôn Lập Định 1 Xã Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560077004843/A1	0001328	
136	NGUYỄN ĐẠT NHƯ Ý	18/1/2000	056200008634	Thôn Phước Lương Xã Diên Thọ, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	540187457760/A1	0000967	
137	NGUYỄN QUYẾT YÊN	25/5/1986	056086006825	Phú Bình Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560072002282/B	0000827	

PHỤ LỤC VIII

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an)

Mẫu số 05

DANH SÁCH THÍ SINH CÓ GIẤY PHÉP LÁI XE QUÁ THỜI HẠN SỬ DỤNG DỰ SÁT HẠCH ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 282/QĐ-CAT-CSGT ngày 13/01/2026 của Giám đốc Công an tỉnh Khánh Hòa)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh hoặc hệ chiếu	Nơi cư trú	Hạng giấy phép lái xe	Số giấy phép lái xe	Cơ quan quản lý giấy phép lái xe	Ngày hết hạn GPLX	Lý do sát hạch	Nội dung sát hạch	Ghi chú
1	LÊ LÂM HẢI ÂU	24/9/1978	056078016506	Phước Điền P. Nam Nha Trang, T. Khánh Hòa	D2	560100000783	Khánh Hòa	15/12/2025	Cấp lại GPLX bị mất và GPLX quá THSD dưới 1 năm	SH lại L	
2	ĐỖ ĐÌNH DŨNG	22/1/1985	030085017182	Thôn Lê Hà X. Trần Phú, TP. Hải Phòng	Cm	300145002555	Hải Dương	12/6/2019	Cấp lại GPLX bị mất và GPLX quá THSD từ 1 năm trở lên	SH lại L+H+Đ	
3	TRẦN THANH HUÂN	6/11/1982	037082011020	250 Lương Định Của, P. Tây Nha Trang, T. Khánh Hòa	Am, B	560158060906	Khánh Hòa	1/10/2025	Cấp lại GPLX bị mất và GPLX quá THSD dưới 1 năm	SH lại L	
4	NGUYỄN VĂN HÙNG	21/10/1970	056070006782	TDP Nghĩa Quý P. Bắc Cam Ranh, T. Khánh Hòa	Cm	560177008668	Khánh Hòa	24/10/2022	Cấp lại GPLX bị mất và GPLX quá THSD từ 1 năm trở lên	SH lại L+H+Đ	
5	TRẦN MẠNH HÙNG	27/7/1990	040090007410	78/K7 Tuệ Tĩnh P. Nha Trang, T. Khánh Hòa	D2	560131006000	Khánh Hòa	9/11/2025	Cấp lại GPLX bị mất và GPLX quá THSD dưới 1 năm	SH lại L	
6	ĐẶNG QUỐC HUY	26/1/1993	056093005159	Thôn Phước Lộc P. Nam Nha Trang, T. Khánh Hòa	D2	560130001770	Khánh Hòa	20/7/2025	Cấp lại GPLX bị mất và GPLX quá THSD dưới 1 năm	SH lại L	
7	LÊ ANH KHOA	22/11/1985	056085012357	Thôn Cư Thạnh X. Suối Hiệp, T. Khánh Hòa	D2	560082002498	Khánh Hòa	21/10/2025	Cấp lại GPLX bị mất và GPLX quá THSD dưới 1 năm	SH lại L	
8	BÙI VĂN NGÂN	7/10/1988	056088011184	Xuân Phong P. Bắc Nha Trang, T. Khánh Hòa	Cm	560133000053	Hải Phòng	10/11/2021	Cấp lại GPLX bị mất và GPLX quá THSD từ 1 năm trở lên	SH lại L+H+Đ	
9	NGUYỄN THÁI NINH	4/2/1970	054070012148	404/10 Lê Hồng Phong P. Nam Nha Trang, T. Khánh Hòa	A.03, D2	60140001535	Khánh Hòa	12/10/2025	Cấp lại GPLX bị mất và GPLX quá THSD dưới 1 năm	SH lại L	
10	TRẦN KỲ PHÙNG	3/9/1984	056084003730	253A Thống Nhất P. Tây Nha Trang, T. Khánh Hòa	Cm	560127005486	Khánh Hòa	7/2/2022	Cấp lại GPLX bị mất và GPLX quá THSD từ 1 năm trở lên	SH lại L+H+Đ	
11	TRẦN VĂN THÁI	14/9/1976	056076011191	Thôn Đại Mỹ X. Hòa Trí, T. Khánh Hòa	Cm	560116004432	Khánh Hòa	21/6/2021	Cấp lại GPLX bị mất và GPLX quá THSD từ 1 năm trở lên	SH lại H+Đ	
12	NGUYỄN VĂN THẮNG	18/7/1989	056089010481	14C Tô Cù Lao Hạ P. Bắc Nha Trang, T. Khánh Hòa	D2	560122006057	Khánh Hòa	8/7/2025	Cấp lại GPLX bị mất và GPLX quá THSD dưới 1 năm	SH lại L	
13	ĐỖ NGỌC THÀNH	13/9/1974	056074009587	Thanh Minh 2 X. Diên Lạc, T. Khánh Hòa	A.03, D2	560089000280	Khánh Hòa	5/8/2025	Cấp lại GPLX bị mất và GPLX quá THSD dưới 1 năm	SH lại L	
14	LÊ VĂN TOÀN	11/11/1980	034080017814	81 Khúc Thừa Dụ, P. Nam Nha Trang, T. Khánh Hòa	A.03, B	560137007519	Khánh Hòa	14/9/2025	Cấp lại GPLX bị mất và GPLX quá THSD dưới 1 năm	SH lại L	
15	HUỲNH ANH TUÂN	23/6/1969	056069001349	Tổ 8, Lư Cẩm P. Tây Nha Trang, T. Khánh Hòa	D2	560106003173	TP. Hồ Chí Minh	5/2/2025	Cấp lại GPLX bị mất và GPLX quá THSD dưới 1 năm	SH lại L	
16	NGUYỄN MINH TUẤN	7/11/1976	001076028943	78C Tuệ Tĩnh, P. Nha Trang, T. Khánh Hòa	B	560065002231	Khánh Hòa	24/4/2025	Cấp lại GPLX bị mất và GPLX quá THSD dưới 1 năm	SH lại L	
17	LÊ QUỐC VŨ	5/9/1973	056073002073	Hội Phú Bắc 1 P. Hòa Thắng, T. Khánh Hòa	D2	560989000849	Khánh Hòa	8/12/2025	Cấp lại GPLX bị mất và GPLX quá THSD dưới 1 năm	SH lại L	

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 282/QĐ-CAT-CSGT ngày 13/01/2026 của Giám đốc Công an tỉnh Khánh Hòa)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	PHẠM ĐỨC CHỜ	7/8/1986	036086024476	TDP Nghĩa Cam, P. Bắc Cam Ranh, T. Khánh Hòa	Hợp lệ		B4110	SH lần đầu
2	TRẦN LÊ BẢO THÁI	6/6/1981	056081006847	58/27A Đặng Lộ, P. Bắc Nha Trang, T. Khánh Hòa	Hợp lệ	B2	A251195	SH lại Hình
3	PHẠM VĂN HÙNG	16/8/1985	056085011027	Tổ 20, Hà Ra, P. Bắc Nha Trang, T. Khánh Hòa	Hợp lệ	B2	A251188	SH lại Hình